

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ  
TOMAHAWK**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TOMAHAWK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOMAHAWK IMPORT, EXPORT AND INTERNATIONAL TRADE LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: TOMAHAWK CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109604031

**3. Ngày thành lập:** 20/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Biệt thự N04, TT02 khu ParkHome 168 Phúc Minh, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0908.401.688

Fax:

Email: [hr.tomahawk01@gmail.com](mailto:hr.tomahawk01@gmail.com)

Website: [www.tomahawk.vn](http://www.tomahawk.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690(Chính) |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không;<br>- Môi giới thuê tàu biển và máy bay;<br>- Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa | 5229        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa hàng không<br>Vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định; vận tải hàng hóa hàng không loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5120        |
| 4.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5022        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5222        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5223        |
| 7.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7830        |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 50 Luật quản lý ngoại thương 2017) | 8299 |
| 10. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                               | 8292 |
| 11. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                 | 8531 |
| 12. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                              | 8532 |
| 13. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                              | 4541 |
| 14. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                             | 4530 |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                          | 4543 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                             | 4649 |
| 19. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                             | 4632 |
| 20. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                               | 4633 |
| 21. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                           | 4641 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                         | 4653 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                | 4659 |
| 26. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4762 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4763 |
| 28. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                       | 4764 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                               | 4771 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4774 |
| 31. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                       | 4782 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                             | 4783 |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử                                                                                                                                                            | 4791 |
| 34. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                   | 4799 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                | 6209 |
| 36. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310 |

|     |                                              |      |
|-----|----------------------------------------------|------|
| 37. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi | 8220 |
|-----|----------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÃ THỊ THU HIỀN Giới tính: Nữ  
 Chức danh: *Tổng giám đốc*  
 Sinh ngày: 19/11/1992 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 174006588  
 Ngày cấp: 21/12/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 3, Xã Nga Thủy, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Tổ 15, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội